

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-ST

Ngày: 12 - 8 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thu Thúy và ông Đồng Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Minh Thương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên

Trong các ngày 01 tháng 7 và 12 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Hải C, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ E, khu D, phường C, tỉnh Quảng Ninh

Có mặt.

2. Bị đơn:

- Chị Đinh Thị L, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ F, khu phố C, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

- Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Tổ F, khu phố C, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Hoàng Hải Công trình bày:

Năm 2022, anh Hoàng Hải C đã cho chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Trung K vay tổng số tiền là: 2.950.000.000 (hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của anh C tại ngân hàng TMCP C1 đến tài khoản của chị Đinh Thị L số 988988886 tại Ngân hàng TMCP Q. Cụ thể:- Ngày 27/7/2022 chuyển khoản 400.000.000 đồng;- Ngày 29/7/2022 chuyển khoản 200.000.000 đồng;- Ngày 03/8/2022 chuyển khoản 300.000.000 đồng;

- Ngày 08/8/2022 chuyển khoản 100.000.000 đồng;
- Ngày 15/8/2022 chuyển khoản 500.000.000 đồng;
- Ngày 06/9/2022 chuyển khoản 500.000.000 đồng;
- Ngày 08/9/2022 chuyển khoản 300.000.000 đồng;
- Ngày 10/9/2022 chuyển khoản 150.000.000 đồng;
- Ngày 11/9/2022 chuyển khoản 150.000.000 đồng;
- Ngày 12/9/2022 chuyển khoản 150.000.000 đồng;
- Ngày 13/9/2022 chuyển khoản 200.000.000 đồng;

Anh K và chị L đã thỏa thuận với anh C sẽ trả nợ cho anh trong vòng từ 01 đến 02 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên anh K và chị L đã không trả nợ cho anh C theo đúng cam kết đã thỏa thuận. Tính đến ngày 21/01/2026 anh K và chị L mới chỉ trả cho anh C số tiền 980.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 1.970.000.000 đồng.

Anh C đã nhiều lần yêu cầu anh K và chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận nhưng anh K và chị L vẫn không thực hiện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh C.

Do đó, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Trung K và chị Đinh Thị L phải trả cho anh C số tiền anh K và chị L còn nợ là 1.970.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, sau khi đối chiếu sao kê các giao dịch chuyển tiền giữa anh Hoàng Hải C và chị Đinh Thị Liên T năm 2021 đến nay do chị L cung cấp, anh C xác nhận: tổng số tiền anh C đã chuyển cho chị L là 25.192.600.000 đồng, tổng số tiền chị L đã chuyển khoản cho anh C là 24.455.124.495 đồng. Sau khi đối trừ thì số tiền chị L còn nợ anh là 737.475.505 đồng. Do đó anh C thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc chị Đinh Thị L phải trả cho anh C số tiền 737.475.505 đồng chị L còn nợ tính đến ngày 12/8/2026 và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Trung K phải liên đới cùng với chị Đinh Thị L trả cho anh C số tiền còn nợ.

Bị đơn – chị Đinh Thị L trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa có quan điểm:

Trước đây chị và anh Hoàng H C có hợp tác kinh doanh với nhau. Trong thời gian hợp tác kinh doanh chung, anh C đã nhiều lần chuyển tiền cho chị L để

góp tiền kinh doanh và chị L cũng đã nhiều lần chuyển tiền trả lại anh C (thể hiện tại sao kê chi tiết tài khoản của chị Đinh Thị L tại Ngân hàng TMCP Q). Chị L khẳng định chị không vay mượn tiền, tài sản... của anh Hoàng Hải C và yêu cầu anh C cung cấp các chứng cứ (giấy tờ, hợp đồng...) chứng minh việc chị L có vay tiền của anh.

Ngoài ra sau khi đối chiếu giao dịch chuyển tiền giữa hai bên thì chị L thấy rằng tổng số tiền anh C đã chuyển cho chị là 25.192.600.000 đồng, số tiền chị đã trả anh Công bằng hình thức chuyển khoản và bằng tiền mặt là 24.955.124.495 đồng. Số tiền chênh lệch còn lại là 237.475.505 đồng. Đây là số tiền kinh doanh bị thua lỗ, không phải số tiền chị L còn nợ anh C. Do đó chị L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh C.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trung K, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cho anh K về địa chỉ nơi cư trú. Anh Nguyễn Trung K đã có đơn trình bày gửi Tòa án thể hiện việc anh không biết và không liên quan đến việc chuyển tiền qua lại làm ăn giữa anh Hoàng Hải C và chị Đinh Thị L. Anh K không sử dụng và không biết chị L sử dụng số tiền đó vào mục đích gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh C và chị L đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải tuy nhiên chị L đều vắng mặt do đó Tòa án không thể hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh có quan điểm: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Đinh Thị L phải trả cho anh Hoàng Hải C số tiền còn nợ là 737.475.505 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Hải C về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Trung K và chị Đinh Thị L phải trả cho anh C số tiền anh K và chị L còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn – anh Hoàng Hải C khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn - chị Đinh Thị L và anh Nguyễn Trung K hiện đăng ký thường trú tại tổ F, khu C, phường H tỉnh Quảng Ninh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Việc Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện quyền, nghĩa vụ, được nhận, thực hiện các thủ tục tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Đối với bị đơn – anh Nguyễn Trung K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt.

Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn – anh Nguyễn Trung K không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại Điều 227; Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Hải C thay đổi yêu cầu khởi kiện về số tiền buộc bị đơn chị Đinh Thị L phải trả tính đến ngày 12/8/2026 là 737.475.505 đồng và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Trung K phải trả cho anh C số tiền anh K và chị L còn nợ.

Xét thấy:

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh C không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Như vậy về thẩm quyền giải quyết vụ án và trình tự tố tụng, được đảm bảo và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Hải C về việc buộc bị đơn chị Đinh Thị L phải trả số tiền 737.475.505 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Theo sao kê tài khoản ngân hàng do bị đơn – chị Đinh Thị L cung cấp đã thể hiện, từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2022, anh Hoàng Hải C đã chuyển khoản cho chị Đinh Thị L tổng số tiền là 25.192.600.000 đồng và chị L đã chuyển khoản trả anh C tổng số tiền là 24.455.124.495 đồng. Anh C và chị L đều xác nhận số tiền chuyển khoản như trên là đúng.

Tuy nhiên chị Đinh Thị L không thừa nhận đây là số tiền anh C cho chị vay mà cho rằng giữa chị và anh C có quan hệ hợp tác kinh doanh; việc anh C chuyển tiền cho chị là góp vốn kinh doanh. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày nêu trên, chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận hợp tác kinh doanh, tài liệu thể hiện nội dung góp vốn, tỷ lệ góp vốn, phương thức phân chia lợi nhuận, phân chia rủi ro, đối tượng kinh doanh cụ thể, sổ sách hạch toán hoặc chứng cứ khác chứng minh số tiền anh C chuyển cho chị là tiền góp vốn, không phải tiền vay.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, giao dịch dân sự có thể được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Đối với hợp đồng vay tài sản, pháp luật không bắt buộc giao dịch vay tiền giữa cá nhân với cá nhân phải được lập thành văn bản.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự thì:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Và mục đích của giao dịch dân sự là lợi ích mà chủ thể mong muốn đạt được khi xác lập giao dịch đó.

Trong vụ án này, việc anh C chuyển nhiều lần tiền vào tài khoản cá nhân của chị L là có thật, phù hợp với tài liệu sao kê ngân hàng. Sau khi nhận tiền, chị L đã nhiều lần chuyển tiền trả lại cho anh C, phù hợp với đặc điểm của nghĩa vụ hoàn trả trong hợp đồng vay tài sản và anh C cũng khẳng định mục đích anh C chuyển tiền là cho chị L vay. Ngược lại, chị L không chứng minh được số tiền đã nhận là tiền góp vốn, tiền hợp tác kinh doanh hoặc khoản thanh toán phát sinh từ một quan hệ pháp luật khác. Do đó, căn cứ các quy định của Bộ luật Dân sự về giao dịch dân sự, hợp đồng vay tài sản thì có đủ căn cứ xác định giữa anh Hoàng Hải C và chị Đinh Thị L đã xác lập quan hệ vay tài sản; anh C là bên cho vay, chị L là bên vay.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Như đã phân tích ở trên thì từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2022, tổng số tiền anh C đã chuyển cho chị L là 25.192.600.000 đồng và tổng số tiền chị L đã chuyển cho anh C là 24.455.124.495 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Như vậy số tiền chị L còn nợ anh C là 737.475.505 đồng.

Chị Đinh Thị L cho rằng, ngoài số tiền chị đã chuyển qua tài khoản ngân hàng trả anh C nêu trên thì còn có 500.000.000 đồng chị L đã trả cho anh Công bằng tiền mặt. Tuy nhiên chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và anh Hoàng Hải C cũng không thừa nhận đã nhận khoản tiền này. Do đó không có căn cứ xác định khoản 500.000.000 đồng chị L trả cho anh C.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Mặc dù nguyên đơn trình bày các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ từ 01 đến 02 tháng nhưng bị đơn không thừa nhận và nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thỏa thuận này; do đó không có căn cứ xác định các bên đã thống nhất thời hạn trả nợ. Đồng thời nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay nên hợp đồng vay tài sản giữa anh C và chị L được xác định là hợp đồng vay không thời hạn và không có lãi.

Điều 469 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...”

Chị L đã nhận tiền của anh C nhưng không trả đầy đủ khi anh C yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh C. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh C về việc buộc chị Đinh Thị L trả số tiền 737.475.505 đồng còn nợ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Ngoài ra căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chị Đinh Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bị đơn – chị Đinh Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn – Hoàng Hải C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;

- Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Hoàng Hải C.

Chị Đinh Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Hải C số tiền còn nợ tính đến ngày 12/8/2026 là 737.475.505đ (*bảy trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm lẻ năm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Hải C về việc buộc anh Nguyễn Trung K phải liên đới cùng chị Đình Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh C.

3. Về án phí:

Chị Đình Thị L phải nộp 33.499.020đ (*ba mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, không trăm hai mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Hoàng Hải C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.550.000đ (*ba mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000661 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn – chị Đình Thị L; vắng mặt bị đơn – anh Nguyễn Trung K. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thu Hương